

Số: 447 /2002/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 5 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**Về việc ban hành Quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng**  
**đàn bò sữa và đàn bò thịt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 6 (khoá XIII) về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp của tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 183/TT-NN ngày 31/01/2002 và tờ trình số 197/TT-NN ngày 5/02/2002 về việc ban hành " Quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò sữa và đàn bò thịt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này, 02 quy trình sau:

1. Quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò sữa.
2. Quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò thịt.

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, triển khai tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính- Vật giá, Khoa học- Công nghệ và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
CHỦ TỊCH

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Viện chăn nuôi Quốc gia
- Thường trực Tỉnh ủy | báo
- Thường trực UBND tỉnh | cáo
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh
- Như Điều 3: Thực hiện
- CV: NLN-TC-TH
- Lưu: VT



**Hà Phúc Mịch**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH**

**Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng  
đàn bò sữa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

(Ban hành kèm theo quyết định số : 117/2002/QĐ-UB  
ngày 08 tháng 5 năm 2002).

**Phần I**

**QUI ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy trình này áp dụng cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò sữa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Là căn cứ pháp lý cho việc lập các dự án, tính toán các dự án chăn nuôi, kiểm tra, thẩm định, cho vay vốn, tập huấn đào tạo cán bộ kỹ thuật về chăn nuôi bò sữa.

**Phần II**

**QUI ĐỊNH VỀ CHUỒNG TRẠI**

**MỤC 1. CHUỒNG TRẠI**

**Điều 3.** Xây dựng chuồng trại nuôi bò sữa phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải đảm bảo diện tích chuồng trại (theo phụ biểu 1) và căn cứ quy mô đàn để thiết kế máng ăn, máng uống, dây, xích buộc bò phù hợp theo từng nhóm bò.
2. Phải có đủ hệ thống cống rãnh thoát nước, hố chứa phân.
3. Chuồng trại phải thoáng mát mùa hè, ấm áp mùa đông, nền chuồng lát bằng gạch, xi măng, cao ráo, có độ dốc để thoát nước, không trơn trượt.
4. Các ô chuồng phải phù hợp theo từng nhóm bò, tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng.
5. Kiểu chuồng: căn cứ vào quy mô đàn bò, có thể làm chuồng 1 dãy hoặc 2 dãy.

6. Chuồng trại nhất thiết phải có sân chơi để bò vận động tự do, sân chơi chỉ nên xây tường lửng, trồng cây xanh bóng mát, diện tích sân chơi 10-12 m<sup>2</sup>/con.

7. Phải có gian riêng để vắt sữa.

8. Phải có khu chuồng nuôi cách ly trước khi nhập bò.

**Điều 4.** Trước khi nhập đàn, bò phải nuôi cách ly để theo dõi sức khỏe theo qui định của Cục thú y, nếu bò khỏe mạnh, đủ điều kiện mới cho nhập đàn.

### Phần III QUI ĐỊNH VỀ CON GIỐNG

( Các ký hiệu và viết tắt được qui định như sau: ♀ bò cái; ♂ bò đực giống;  
VN: Bò vàng Việt Nam; HF: Bò Hà Lan; F<sub>1</sub>, F<sub>2</sub>, F<sub>3</sub>: Con lai thế hệ 1,2,3)

**Điều 5.** Lựa chọn con giống theo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sau:

Bảng 1 - Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chung của bò cái sữa

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Bò sữa		
			Bò F <sub>1</sub> (1/2 HF)	Bò F <sub>2</sub> (3/4 HF)	Bò HF thuần
1	Tuổi bắt đầu phối giống	tháng	14-15	14-15	14-15
2	Khối lượng phối giống lần đầu	kg	≥ 350	≥ 400	≥ 450
3	Tuổi đẻ lứa đầu	tháng	24-25	24-25	24-25
4	Chu kỳ động dục	ngày	21 (18-23)	21 (18-23)	21 (18-23)
5	Thời gian động dục	ngày	1-2	1-2	1-2
6	Thời điểm phối giống thích hợp	giờ	16-24	16-24	16-24
7	Nhịp đẻ bình quân (khoảng cách giữa 2 lứa đẻ)	tháng	12-13	12-13	12-13
8	Thời gian động dục lại sau đẻ	ngày	60 - 90	60 - 90	60 - 90
9	Chu kỳ vắt sữa	ngày	300	300	300
10	Sản lượng sữa / 1 chu kỳ vắt	kg	3000	4000	> 4000
11	Tỷ lệ mỡ sữa	%	3,6 - 4,2	3,2 - 3,8	3,2 - 3,8
12	Thời gian sử dụng	năm	12-14	12-14	12-14
13	Khối lượng bê sơ sinh	kg	20 - 25	26 - 30	35-38
14	Khối lượng bê cai sữa (2 tháng)	kg	50-55	55-60	60-70
15	Khối lượng bò cái trưởng thành	kg	320-350	400 - 420	430-450

**Điều 6.** Chọn bò cái nên và bò cái sữa.

1. Chọn bò cái nền phải tuân thủ theo "Tiêu chuẩn bò cái nền sinh sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang" ban hành kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-UB ngày 28/9/2001 của UBND tỉnh.

2. Chọn bò cái sữa:

a) *Chọn theo huyết thống*

- Bò được sinh ra từ những con bò bố mẹ tốt, có lý lịch hệ phả rõ ràng, bố phải là bò đực đặc cấp, mẹ phải là bò cái đạt cấp I, đặc cấp hoặc đặc cấp kỷ lục.

b) *Chọn theo ngoại hình:*

- Bò khoẻ mạnh không có bệnh tật.  
 - Có ngoại hình đẹp.  
 - Thân sau phát triển hơn thân trước (bò có hình dáng cái nê).  
 - Dáng thanh nhẹ, da mỏng, tính hiền hoà.  
 - Đầu thanh, mõm rộng, mũi to, cổ thanh dài vừa phải, sừng thanh, da cổ có nhiều nếp gấp.

- Ngực sâu rộng, bụng nở nhưng không xệ.  
 - Lưng thẳng, hông nở, mông dài rộng phẳng, không dốc.  
 - 4 chân thẳng, thanh nhẹ, móng chân khít.

- Bầu vú rộng, cả 4 khoang vú đều phát triển, và cân xứng. Bốn núm vú hình ống, dài vừa phải, vị trí các núm vú phân bố đều như hình vuông, không có vú kẹp. Vú mềm, có phản xạ đàn hồi, da vú mỏng mịn, tĩnh mạch vú nổi rõ, phân nhánh ngoằn ngoèo.

- Khối lượng:

+ Bò cái giống  $F_1$  (1/2 HF) phải đạt khối lượng trên 300 kg trở lên (3 tuổi).

+ Bò  $F_2$  (3/4 HF) phải đạt khối lượng trên 400kg trở lên (3 tuổi).

+ Bò Hà Lan thuần phải đạt khối lượng trên 450kg trở lên (3 tuổi).

- Xếp cấp ngoại hình phải đạt cấp I, đặc cấp hoặc đặc cấp kỷ lục.

c) *Chọn theo năng suất sữa:*

Tiêu chuẩn chọn theo sản lượng sữa của các loại bò sữa như sau:

+ Chu kỳ vắt sữa: 300 ngày.

+ Sản lượng sữa: tối thiểu đạt từ 4000 kg / 1 chu kỳ trở lên.

## Phần IV

### QUẢN LÝ, CHĂM SÓC VÀ NUÔI DƯỠNG

#### MỤC I - QUẢN LÝ ĐÀN BÒ

##### Điều 7. Đánh số

- Mỗi con bò sữa phải có số hiệu riêng để tiện theo dõi, quản lý, đánh số không được trùng lặp. Số hiệu được đeo ở tai bò để tiện theo dõi, quản lý.

**Điều 8. Ghi chép**

Mở sổ ghi chép cho từng con bò sữa gồm các mục sau:

- Số hiệu hoặc tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh; Ngày tháng năm nhập bò, lý lịch huyết thống (con bò bố, mẹ, ông, bà).
- Một số đặc điểm ngoại hình chính.
- Khả năng sản xuất sữa.
- Khả năng sinh sản.
- Tình hình sức khoẻ bệnh tật.

**MỤC 2- PHỐI GIỐNG****Điều 9.**

- Cách xác định thời điểm phối giống thích hợp: Trong khoảng thời gian từ 16 - 24 giờ (kể từ khi bò có biểu hiện động dục). Có thể áp dụng quy luật "sáng - chiều" (tức là động dục buổi sáng thì phối giống vào buổi chiều, động dục vào buổi chiều thì phối giống vào sáng hôm sau). Nên phối kép cho bò 2 lần tính cách nhau từ 10 - 12 giờ để đạt hiệu quả thụ thai cao hơn.

**Điều 10.** Phương pháp phối giống chủ yếu là phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; trong một số trường hợp cá biệt, cụ thể có thể cho phối giống trực tiếp.

**Điều 11.** Việc lai tạo cần tuân thủ theo sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, quản lý chất lượng con giống. Tuyệt đối không phối giống cận huyết.

**MỤC 3- NUÔI DƯỠNG BÊ SỮA**

**Điều 12.** Nuôi dưỡng bê sữa phải tuân thủ theo từng giai đoạn sau:

*a) Nuôi dưỡng bê sữa (từ sơ sinh đến 6 tháng).*

- Thời gian bú sữa đầu của bê 0-10 ngày,
- Khẩu phần ăn của bê sau 10 ngày tuổi (thực hiện theo phụ biểu 2).
- Sau 10 ngày tuổi tách bê với bò mẹ.
- Cho bê bú sữa bằng bình hoặc bằng xô.
- Đến 15 ngày tuổi tập cho bê ăn cỏ tươi và thức ăn củ quả.

- 3 tuần đầu mới sinh, cho bê ăn thức ăn ở dạng lỏng, dễ tiêu.
- Đến 30 ngày tuổi cho bê ăn tăng lượng ngũ cốc và lượng cỏ.
- Cho bê uống đủ nước sạch theo nhu cầu.
- Chế độ vận động: nuôi bê tại chuồng, phải thường xuyên cho bê ra vận động ngoài trời, mỗi ngày ít nhất 2 lần, mỗi lần 2 - 3 giờ.
- Thường xuyên tắm chải cho bê, mùa hè ngày 1 lần; mùa đông tắm vào những ngày thời tiết nắng ấm.
- Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, tẩy giun đũa cho bê (thời gian, loại thuốc, liều lượng theo hướng dẫn của cán bộ thú y).
- Định kỳ kiểm tra khối lượng 1 tháng/1 lần để xem xét tốc độ sinh trưởng và có biện pháp điều chỉnh chế độ nuôi dưỡng cho hợp lý.

*b) Nuôi dưỡng bê sữa hậu bị (từ 6 tháng đến 24 tháng tuổi):*

- Việc nuôi dưỡng phải đạt yêu cầu: bê sữa hậu bị không quá béo và cũng không quá gầy. Từ 6 tháng tuổi cần tách riêng bê đực, bê cái để có chế độ nuôi dưỡng chăm sóc phù hợp.
- Khẩu phần ăn : ( Đảm bảo 1kg thức ăn tinh tương đương 1 đơn vị thức ăn)
- + Thức ăn tinh cho ăn như sau:
  - \* Bê từ 7-12 tháng : 1,0 kg/con/ngày
  - \* Bê từ 12-18 tháng : 1,5 kg/con/ngày.
  - \* Bê từ 18- 24 tháng : 2,0 kg/con/ngày.
- + Thức ăn thô xanh cắt ngắn luôn có trong máng để cho bê ăn.
  - \* Bê từ 7-12 tháng : 15-20 kg/con/ngày
  - \* Bê từ 12-18 tháng : 20-25 kg/con/ngày.
  - \* Bê từ 18- 24 tháng : 30-35 kg/con/ngày.
- Cho bê uống đủ nước sạch theo nhu cầu.  
(Trong thời kỳ nuôi dưỡng, bê tiêu tốn khoảng 320-350 kg sữa nguyên, 150-200 kg thức ăn tinh hỗn hợp, 500-600 kg cỏ tươi và 50-100 kg củ quả).
- Vận động: Mỗi ngày 2 lần (sáng và chiều), mỗi lần 2 giờ.
- Tắm chải: Mùa hè 1 lần/ ngày; mùa đông tắm cho bê vào những ngày trời nắng ấm.
- Định kỳ 3 tháng kiểm tra khối lượng một lần, nuôi đến 15 tháng tuổi nếu đạt tiêu chuẩn khối lượng có thể cho phối giống.
- Định kỳ tiêm phòng cho bê theo qui định của Chi cục thú y.

#### MỤC 4. NUÔI DƯỠNG BÒ SỮA CÓ CHỮA

**Điều 13.** Nuôi dưỡng bò sữa có chữa phải tuân thủ qui định sau:

- Việc nuôi dưỡng phải đảm bảo có đủ dinh dưỡng để nuôi thai, tiết sữa ngay sau khi đẻ, đạt sản lượng sữa cao.
- Thời gian chữa  $280 \pm 5$  ngày (thường 9 tháng 10 ngày). Cho vận động vừa phải, tránh sảy thai nhất là vào các tháng chữa thứ 3 ; 7 ; 8 ; 9.
- Xoa bóp bầu vú: Trong thời gian bò có chữa nhất là từ tháng chữa thứ 6 trở lên, thường xuyên dùng khăn bông thấm nước ấm xoa bóp và luyện tập bầu vú hàng ngày.
- Đảm bảo khẩu phần ăn cho bò chữa theo từng giai đoạn (thực hiện theo phụ biểu 3)
- Thời gian và cách cho ăn: Thức ăn tinh cho ăn mỗi ngày 2 lần vào thời điểm vắt sữa, sau đó cho ăn thức ăn thô.
- Cho bê uống đủ nước sạch theo nhu cầu.

#### MỤC 5- NUÔI DƯỠNG BÒ ĐẼ

**Điều 14.** Nuôi dưỡng bò đẻ phải tuân thủ qui định sau:

- Trước khi đẻ 10 - 15 ngày chăm sóc bò tại chuồng và trực bò đẻ.
- Kỹ thuật đỡ đẻ cho bò:
  - + Chuẩn bị khăn sạch, kim, chỉ, panh, kéo, cồn sát trùng iốt 5%. Các dụng cụ phải được vô trùng cẩn thận.
  - + Khi bê đẻ ra, dùng khăn mềm và sạch, lau khô toàn thân, móc hết nhớt rãi trong mồm, mũi và cho bê bú sữa đầu càng sớm càng tốt.
- Kỹ thuật cắt rốn cho bê:
  - + Dùng 2 ngón tay (ngón trỏ và ngón giữa) kẹp chặt dây rốn vuốt ngược cho máu chảy vào trong bụng bê, kẹp panh vào vị trí cách bụng bê con từ 8 - 10 cm. Dùng kim chỉ đã sát trùng xuyên thủng qua cuống rốn, thắt chặt cuống rốn, tiến hành cắt rốn ở phía ngoài cách chỗ buộc 1cm, chấm cồn i ốt 5 % vào vết cắt để tránh nhiễm trùng.
  - + Cân trọng lượng bê, ghi sổ theo dõi.
  - + Vệ sinh phần thân sau và bầu vú của bò mẹ bằng nước ấm 30- 40<sup>o</sup> C.
  - + Bình thường sau đẻ 30 phút đến 3 giờ thì nhau thai sẽ ra hết, nếu sau đẻ 10- 12 giờ mà nhau thai không ra là bò bị sót nhau, cần báo cán bộ thú y can thiệp ngay.

+ Sau khi đẻ bò thường bị mất nước cần cho bò uống nước ấm có pha muối, những ngày sau cho bò uống nước sạch tự do. Sau đẻ 15- 20 ngày cần chăm sóc bò tại chuồng, cho ăn đủ cỏ tươi, xanh non, nấu thêm cháo gạo 0,5 - 1 kg/ con/ ngày và 30- 40 gam muối ăn/ con/ ngày.

#### MỤC 6- NUÔI DƯỠNG BÒ ĐANG VẮT SỮA

**Điều 15.** Nuôi dưỡng bò đang vắt sữa phải tuân thủ qui định sau:

- Thức ăn cho bò vắt sữa: Cho ăn theo khẩu phần nuôi dưỡng bò sữa (thực hiện theo phụ biểu 4).

- Nước uống:

+ Nước uống phải được kiểm định đảm bảo về tiêu chuẩn chất lượng theo qui định.

+ Bò sữa rất cần có đủ nước uống và nhu cầu nước uống cũng cần thiết như ăn thức ăn. Thiếu nước uống, lượng sữa sụt nhanh hơn so với thiếu thức ăn.

+ Trong máng phải luôn luôn có nước sạch để bò uống tự do. Đối với bò có lượng sữa trên 20 lít sữa/ngày, có thể pha thêm rỉ mật, hoặc muối vào nước cho bò uống.

- Vận động, tắm, chải: mùa hè mỗi ngày cho vận động, chải cho bò 2 lần/ngày và dùng bàn chải chải cho bò, mỗi lần từ 1- 2 giờ. Mùa đông tắm sạch cho bò bằng nước ấm vào những ngày trời nắng ấm, ít nhất mỗi tuần phải có 1 lần tắm, chải trừ ve để phòng ngừa bệnh ký sinh trùng đường máu cho bò.

- Chống nóng, chống rét và vệ sinh thú y: Trong những ngày nóng bức, ngoài việc tắm, chải cho bò, cần để bò đứng ở những chỗ thoáng mát. Khi trời rét buốt, cần che chắn chuồng nuôi và có đệm rơm lót nền chuồng cho bò nằm. Nền chuồng luôn luôn sạch sẽ, khô ráo, không được ẩm ướt, thường xuyên thay đệm lót.

- Kiểm tra khối lượng bò bằng cách dùng cân hoặc đo kích thước các chiều và tính theo công thức: (áp dụng cho bò lai hướng sữa).

$$P(\text{kg}) = 90,1 \times \text{VN}^2 \times \text{DTC}$$

Vòng ngực ( VN), dài thân chéo ( DTC ) đo bằng thước dây và tính bằng mét.

#### MỤC 7- KỸ THUẬT VẮT SỮA

**Điều 1.** Vắt sữa phải tuân thủ qui định sau:

- Hiện nay có hai cách vắt sữa: bằng tay và bằng máy.

a) *Vắt sữa bằng máy*: Nếu sử dụng máy vắt sữa sẽ có hướng dẫn qui trình riêng.

b) *Kỹ thuật vắt sữa bằng tay*:

Số lần vắt sữa trong một ngày tùy thuộc vào sản lượng sữa của từng con bò. Lượng sữa dưới 20 kg nên vắt 2 lần/ngày, lượng sữa trên 20 kg trở lên nên vắt 3 lần/ngày. Trường hợp vắt 2 lần/ngày thì giờ vắt sữa như sau:

- Giờ vắt sữa : Vắt sữa vào những giờ cố định trong ngày:

+ Mùa hè : Sáng từ 5 giờ - 6 giờ

Chiều từ 17 giờ - 18 giờ

+ Mùa đông: Sáng từ 5 giờ- 6 giờ

Chiều từ 16 giờ 30 - 17 giờ 30 phút

( Nếu vắt 3 lần/ ngày thì lần thứ 3 vào khoảng giữa thời gian giữa 2 lần vắt ở trên)

- Chuẩn bị các dụng cụ và điều kiện vắt sữa:

+ Dây buộc cố định gia súc, nước sạch dùng để rửa bầu vú trước khi vắt, khăn lau sạch dùng để lau khô bầu vú, xô sạch đựng sữa; thức ăn tinh cho bò vừa ăn vừa vắt sữa, dầu vadolin bôi để tránh nứt nẻ bầu vú, quần áo, mũ, ủng bảo hộ lao động, cân hay thùng có chuẩn độ theo thể tích để xác định lượng sữa sau khi vắt.

+ Vệ sinh vắt sữa :

\* Phải vệ sinh sạch sẽ nơi vắt sữa. Cố định chân sau và đuôi bò để tránh bụi, phân rơi vào sữa. Lau sạch vú bằng khăn sạch đã nhúng nước ấm 40 - 50°C.

\* Nơi vắt sữa : Phải thoáng khí, sạch sẽ. Không được để thức ăn có mùi (như bã mắm, thức ăn chua...) ở gần nơi vắt sữa, cấm hút thuốc trong khi vắt sữa.

\* Người vắt sữa: Đội mũ, đi ủng bảo hộ lao động, trang phục gọn gàng tiện lợi (không thay đổi trang phục vắt sữa đột ngột), móng tay của người vắt sữa phải cắt ngắn và rửa tay sạch sẽ trước khi vắt sữa.

+ Dụng cụ để vắt sữa, đựng sữa phải sạch sẽ vệ sinh, tốt nhất làm bằng nhôm để tránh han rỉ và dễ cọ rửa. Mỗi lần dùng xong dụng cụ phải rửa sạch, tráng lại bằng nước sôi, để ở chỗ cao ráo, có vải đậy cho đỡ bụi. Khăn lau vú, xô lọc sữa dùng xong cũng phải giặt sạch, phơi khô.

+ Thùng chứa sữa cũng nên làm bằng nhôm có nắp đậy kín, có thiết bị làm lạnh để tiện cho việc chuyên chở, bảo quản sữa.

- Thao tác chuẩn bị vắt sữa :

+ Xoa bóp kích thích bầu vú, dùng hai bàn tay ôm lấy phía trước và phía sau vú, tay trái ở phía trước, tay phải ở phía sau, hai tay ôm khum khum lấy bầu vú, ép chặt vào nhau, vừa ép vừa làm cho bầu vú chảy đi chảy lại trong lòng bàn tay, làm nhẹ nhàng từ trên xuống dưới, đến núm vú thì nắm lấy và vuốt nhẹ vài lần, xong dùng cả hai bàn tay nâng mạnh buồng vú lên mấy lần (như động tác bê con thúc vú mẹ) rồi lại tiếp tục xoa bóp làm như vậy 4 - 5 lần, đến khi thấy bầu vú cứng lên và các núm vú vểnh ra, đó là dấu hiệu sữa đã xuống đầy bầu vú, lúc đó chuyển qua xoa bóp nữa bên kia, thời gian xoa bóp thích hợp là từ 2 - 3 phút.

- Phương pháp vắt:

+ Vắt nắm: Áp dụng cho bò có núm vú to và dài.

Cách làm: Nắm chặt núm vú vào mấy ngón tay, rồi lần lượt theo thứ tự: Bóp chặt ngón trỏ, ngón cái làm thành một vòng đai không cho sữa chảy ngược lên bầu vú, sau đó lần lượt bóp các ngón giữa, ngón đeo nhẫn và ngón út, để tống sữa ra ngoài. Các động tác này làm theo một trình tự đều đặn, tốc độ 90-100 lần/phút, người vắt sữa giỏi có thể bóp được 120 lần/phút, vắt càng nhanh, lượng sữa đạt được càng nhiều. Thời gian vắt chỉ khoảng 7- 8 phút là vắt xong 1 con bò.

+ Vắt vuốt: áp dụng cho bò có núm vú nhỏ và ngắn

Cách làm: Dùng hai ngón tay cái và tay trỏ để vuốt, ngón tay cái áp chặt vào núm vú, ngón tay trỏ vòng lại quanh núm vú và vuốt cả hai ngón từ trên xuống dưới, lúc đầu chậm sau tăng dần lên, càng nhanh càng tốt.

- Trình tự vắt sữa:

Người vắt ngồi bên trái bò, do đó lúc vắt tay phải ở phía sau và tay trái ở phía trước. Có thể vắt chéo góc vú phải phía trước vắt trước và vú trái phía sau vắt sau, cũng có thể vắt lần lượt hai vú trước vắt trước, hai vú sau vắt sau và ngược lại .

- Vắt kiệt : Khi sữa đã gần cạn (nghĩa là vắt không còn chảy thành tia mạnh nữa) thì tập trung hai tay vắt một núm cho kiệt sữa (gọi là vắt kiệt). Khi vắt kiệt nên vắt lần lượt từ vú phải phía trước sang vú trái phía trước rồi đến vú trái phía sau và cuối cùng là vú phải phía sau. Cần đưa các ngón tay lên sát tận bầu vú mà bóp hoặc vuốt xuống để sữa không ứ lại ở đây.

- Sau khi vắt kiệt sữa dùng vadolin bôi vào núm vú để vú khỏi nứt nẻ .

- Sơ chế và quản lý sữa bò tươi:

Sau khi vắt sữa xong phải đem sữa lọc ngay qua lớp vải sạch được gấp nhiều lần để loại bỏ bụi và các chất bẩn khác.

Nếu bán cho cơ sở chế biến sữa thì chậm nhất là 1 giờ sau khi vắt, sữa phải được đưa vào Tủ lạnh bảo quản.

#### MỤC 8- KỸ THUẬT CẠN SỮA CHO BÒ

**Điều 17.** Cạn sữa cho bò phải tuân thủ qui định sau:

Trước khi bò đẻ 2 tháng cần can sữa cho bò. Tùy theo lượng sữa của từng con bò mà áp dụng kỹ thuật cạn sữa chậm hay nhanh.

+ Cạn sữa chậm: áp dụng cho bò có lượng sữa trước khi đẻ  $\geq$  8kg/con/ngày.

\* Giảm số lần vắt từ 3 lần xuống 2 rồi 1 lần/con/ngày đồng thời thay đổi giờ vắt.

\* Sau 10-15 ngày lượng sữa sẽ giảm đến mức thấp nhất.

\* Lần cuối cùng vắt sữa thật kiệt, rửa sạch bầu vú và tiếp tục giảm lượng thức ăn.

+ Cạn sữa nhanh: áp dụng cho bò có lượng sữa dưới 8 kg/con/ngày. Thực hiện như cạn sữa chậm nhưng thời gian ngắn hơn, chỉ cần 5-7 ngày.

#### Phần V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò sữa theo đúng Quy trình kỹ thuật.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung báo cáo về UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYẾN QUANG  
CHỦ TỊCH



Hà Phúc Mịch

## PHẦN PHỤ BIỂU CHĂN NUÔI BÒ SỮA

**Phụ biểu 1: Tiêu chuẩn diện tích chuồng nuôi theo nhóm tuổi bò như sau:**

Nhóm bò	Diện tích (m <sup>2</sup> /con)
- Bò vắt sữa	6 - 7
- Bò đẻ	8 - 9
- Bê	2

**Phụ biểu 2: Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn cho bê trong giai đoạn bú sữa  
( từ 10-180 ngày tuổi)**

Ngày tuổi	Tiêu chuẩn		Khẩu phần (kg)					
	Đơn vị thức ăn (ĐVTA)	Protêin tiêu hoá (g)	Sữa nguyên (lít)	Thức ăn tinh hỗn hợp	Cỏ khô (kg)	Cỏ tươi (kg)	Củ quả (kg)	Muối ăn (g)
10	1,2	150	6	-	-	-	-	-
20	1,2	150	6	-	-	-	-	-
30	1,2	150	6	-	-	-	-	-
40	1,4	168	5	0,2	0,1	-	-	8
50	1,5	180	4	0,3	0,4	-	-	9
60	1,6	192	3	0,5	0,5	-	-	10
70	1,7	204	2	0,8	0,7	-	-	15
80	1,8	216	1	1,0	0,9	-	-	15
90	1,9	228	-	1,2	-	4	0,4	15
100	2,0	240	-	1,3	-	4	0,5	20
110	2,1	252	-	1,3	-	5	0,5	20
120	2,2	264	-	1,3	-	5	0,6	20
130	2,3	276	-	1,4	-	5	0,7	25
140	2,4	288	-	1,4	-	6	0,7	25
150	2,5	300	-	1,4	-	7	0,7	25
160	2,6	312	-	1,3	-	7	0,8	30
170	2,7	324	-	1,2	-	8	1,0	30
180	2,8	334	-	1,0	-	10	1,0	30

Phụ biểu 3: Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn cho bò chữa

Thời kỳ có chữa	Tiêu chuẩn			Khẩu phần				
	Đơn vị thức ăn	Protein tiêu hoá (g)	Qui ra lượng cỏ tươi (kg)	Cỏ tươi (kg)	Cỏ khô (kg)	Củ quả (kg)	Thức ăn tinh (kg)	Muối ăn (g)
Bò Vàng Việt Nam, Khối lượng = 180 - 220kg								
Có chữa 4 tháng đầu	2,83	258	20	20	-	-	-	25
Có chữa tháng thứ 5	3,13	303	21	20	0,2	-	-	35
Có chữa tháng thứ 6	3,43	348	23	20	0,5	-	-	45
Có chữa tháng thứ 7	3,73	393	25	20	1	-	-	55
Có chữa tháng thứ 8	4,03	435	27	20	1,5	-	-	65
Có chữa tháng thứ 9	4,33	483	29	20	2	-	-	80
Bò lai Sind Khối lượng = 250 - 300 kg								
Có chữa 4 tháng đầu	3,55	272	25	25	-	-	-	35
Có chữa tháng thứ 5	3,85	317	26	25	0,2	-	-	55
Có chữa tháng thứ 6	4,15	367	28	25	0,5	-	-	75
Có chữa tháng thứ 7	4,45	407	30	25	1	-	-	85
Có chữa tháng thứ 8	4,75	453	32	25	1,5	-	-	95
Có chữa tháng thứ 9	5,05	497	34	35	2	-	-	100
Bò F <sub>1</sub> (50% HF) và F <sub>2</sub> (75% HF); Khối lượng = 350 - 380 kg								
Có chữa 4 tháng đầu	4,69	304	32	30	0,5			40
Có chữa tháng thứ 5	4,99	349	34	30	1,0			60
Có chữa tháng thứ 6	5,29	394	36	30	1,0	1		80
Có chữa tháng thứ 7	5,59	439	38	30	1,5	1		100
Có chữa tháng thứ 8	5,89	480	40	30	1,5	2		115
Có chữa tháng thứ 9	6,19	529	42	30	1,5	2	0,3	125

**Phụ biểu 4: Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn cho bò sữa  
có tỷ lệ mỡ trong sữa từ 3,8 - 4,0%**

Lượng sữa (kg)	Tiêu chuẩn		Khẩu phần (kg)				Muối ăn (g)
	Đơn vị thức ăn	Protein tiêu hoá (g)	Thức ăn hỗn hợp (kg)	Cỏ tươi (kg)	Cỏ khô hoặc rơm (kg)	Củ quả (kg)	
<i>Khối lượng 300 kg</i>							
5	5,8	600	1,75	30		2	35
10	8,3	870	3,00	35		3	55
15	10,1	1.185	4,25	40		3	75
20	14,00	1.530	5,5	40	4	5	95
25	17,25	1.920	6,5	40	4	8	115
<i>Khối lượng 400 kg</i>							
5	6,5	731	2,0	30		3	40
10	9,0	960	3,5	35		5	60
15	11,5	1.290	5,0	40		6	80
20	14,5	1.650	6,0	40	4	6	100
25	17,35	2.040	7,5	45	4	7	120
30	20,5	2.440	9,0	45	4	10	140
<i>Khối lượng 500 kg</i>							
5	7,1	735	2,25	35		2	45
10	9,6	1.020	3,5	35		6	65
15	12,1	1.335	5,2	40		7	85
20	14,7	1.680	6,0	40	3	8	105
25	17,75	2.061	7,5	45	3	10	125
30	21,0	2.460	9,0	50	5	10	145
35	24,25	2.860	10,0	50	6	16	165

**Ghi chú :**

\* Tiêu chuẩn trên gồm: tiêu chuẩn thức ăn cho duy trì và sản xuất sữa. Đối với bò có chữa còn tính thêm tiêu chuẩn nuôi thai.

\* Tiêu chuẩn nuôi thai (tính từ tháng chữa thứ 5 đến tháng chữa thứ 9) cho bò ăn thêm tiêu chuẩn như sau:

- + Tháng chữa thứ 5 cho ăn thêm 0,3 đơn vị thức ăn/ ngày.
- + Tháng chữa thứ 6 cho ăn thêm 0,6 đơn vị thức ăn/ ngày.
- + Tháng chữa thứ 7 cho ăn thêm 0,9 đơn vị thức ăn/ ngày.
- + Tháng chữa thứ 8 cho ăn thêm 1,2 đơn vị thức ăn/ ngày.
- + Tháng chữa thứ 9 cho ăn thêm 1,5 đơn vị thức ăn/ ngày.

\* Trong mỗi đơn vị thức ăn phải đảm bảo có 150 gam protein.

## Phụ biểu 5: Qui trình làm việc chăm sóc bò sữa trong một ngày

### I. Buổi sáng :

1. Từ 4 giờ 30' đến 5 giờ 30' ( mùa hè) hoặc từ 5 giờ đến 6 giờ ( mùa đông) :

- Kiểm tra sức khỏe đàn bò.
- Vệ sinh chuồng trại, dọn phân, thức ăn thừa, vệ sinh máng ăn, máng uống.
- Vệ sinh gia súc, lau, rửa bầu vú cho bò.
- Chuẩn bị dụng cụ vắt sữa.
- Cho bò uống nước ( luôn có nước sạch cho bò uống tự do), Cho bò ăn thức ăn tinh, lượng thức ăn bằng 1/2 khẩu phần ăn cả ngày.
- Vắt sữa.

2. Từ 7 giờ đến 8 giờ :

- Cho bò ăn thức ăn thô, xanh, lượng thức ăn bằng 1/3 lượng thức ăn thô, xanh cả ngày. Cho bò ăn thêm thức ăn củ, quả.

3. Từ 8 giờ đến 9 giờ ( mùa hè) hoặc từ 8 giờ đến 10 giờ ( mùa đông) :

Cho bò vận động ngoài trời, tắm nắng.

### II. Buổi chiều:

1. Từ 13 giờ đến 18 giờ:

- Kiểm tra sức khỏe đàn bò.
- Vệ sinh chuồng trại, dọn phân, thức ăn thừa, vệ sinh máng ăn, máng uống.
- Vệ sinh gia súc, lau, rửa bầu vú cho bò.
- Cho bò uống nước, cho bò ăn lượng thức ăn tinh còn lại trong khẩu phần ăn cả ngày.
- Cho bò vận động ngoài trời, tắm nắng.
- Chuẩn bị dụng cụ vắt sữa.
- Vắt sữa: kết thúc vắt sữa chậm nhất vào 6 giờ ( mùa hè) và 5 giờ 30' ( mùa đông).

**2. Từ 18 giờ đến 19 giờ:**

- Cho bò ăn thức ăn thô, xanh, lượng thức ăn bằng 1/3 lượng thức ăn thô, xanh cả ngày.

**III. Buổi tối:**

1. Từ 19 giờ đến 21 giờ: Kiểm tra sức khoẻ đàn bò.

2. Từ 21 giờ đến 22 30 ': Cho bò ăn thức ăn thô, xanh còn lại trong khẩu phần ăn cả ngày.

- Kiểm tra toàn bộ chuồng bò lần cuối, kiểm tra dây, xích buộc bò, tắt điện và khoá cửa chuồng trại.

( *Chú ý: Nếu vắt sữa 3 lần/ngày, thì lần vắt sữa lần thứ 2 vào khoảng cách giữa của 2 lần vắt trên.*)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D.

**QUY TRÌNH**  
**Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng**  
**đàn bò thịt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo quyết định số : 117/2002/QĐ-UB  
ngày 08 tháng 5 năm 2002).*

**Phần I**  
**QUI ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy trình này áp dụng cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò thịt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Là căn cứ pháp lý cho việc lập các dự án, tính toán các dự án chăn nuôi, kiểm tra, thẩm định, cho vay vốn, tập huấn đào tạo cán bộ kỹ thuật về chăn nuôi bò thịt.

**Điều 3.** Quy trình này bao gồm kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò cái sinh sản; bò đực giống và chăn nuôi bò lấy thịt.

**Điều 4.** Tất cả các đơn vị chăn nuôi, hộ gia đình phải nghiêm chỉnh thực hiện quy trình phòng trừ dịch bệnh cho đàn gia súc.

**Phần II**  
**KỸ THUẬT NUÔI BÒ CÁI SINH SẢN**

**MỤC 1- MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHUNG**

**Một số chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật :**

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giống bò	
			Bò vàng (VN)	Bò F <sub>1</sub> (1/2 lai Zebu)
1	Tuổi bắt đầu phối giống	tháng	18	18
2	Khối lượng phối giống lần đầu	kg	≥ 200	≥ 230
3	Tuổi đẻ lứa đầu	tháng	28	28
4	Khối lượng đẻ lứa đầu	kg	≥ 220	≥ 270
5	Chu kỳ động dục	ngày	21 (18-23)	21 (18-23)
6	Thời gian động dục	ngày	1- 2	1- 2
7	Thời gian động dục lại sau đẻ	ngày	60 - 90	60 - 90
8	Khoảng cách 2 lứa đẻ	tháng	12-13	12-13
9	Thời gian sử dụng	năm	12-14	12-14
10	Khối lượng bê sơ sinh	kg	15-16	19-22
11	Khối lượng bê cai sữa (6tháng tuổi)	kg	60-70	90-100
12	Tỷ lệ thịt xẻ	%	44,2	49,6

## MỤC 2- CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG BÒ CÁI SINH SẢN

**Điều 5.** Chuồng trại : Xây dựng chuồng trại nuôi bò cái sinh sản phải đảm bảo các nguyên sau :

a) Đảm bảo diện tích chuồng nuôi ( theo phụ biểu 1). Trong chuồng phải có máng ăn, máng uống, chỗ buộc bò thích hợp.

b) Phải có đủ hệ thống cống rãnh thoát nước, hố chứa phân.

c) Chuồng trại phải thoáng mát mùa hè, ấm áp mùa đông, nền chuồng lát bằng gạch, xi măng, cao ráo, có độ dốc để thoát nước, không trơn trượt.

d) Kiểu chuồng: căn cứ vào quy mô đàn bò, có thể làm chuồng 1 dãy hoặc 2 dãy.

e) Chuồng trại nhất thiết phải có sân chơi để bò vận động tự do, diện tích sân chơi theo phụ biểu 1, sân chơi chỉ nên xây tường lửng, trồng cây xanh bóng mát .

g) Phải có khu chuồng riêng nuôi cách li khi mới nhập bò .

**Điều 6.** Điều kiện nhập bò từ địa phương khác :

- Phải được kiểm định gia súc theo quy định của Pháp lệnh Thú y
- Phải có địa điểm cách ly
- Chỉ nhập đàn bò khi có đầy đủ kết luận của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền về thú y.

**Điều 7.** Chọn con giống: Chú trọng các tiêu chuẩn chọn giống sau :

*a) Đặc điểm ngoại hình:*

- + Bò khoẻ mạnh không có bệnh tật.
- + Thân sau phát triển hơn thân trước .
- + Dáng thanh nhẹ, da mỏng, lông mượt, tính hiền hoà.
- + Đầu thanh, ngực sâu rộng, bụng to.
- + Mông vai nở..
- + 4 chân thẳng, không chạm khoeo, móng chân khít.
- + Bầu vú rộng, cả 4 khoang vú đều phát triển, và cân xứng. Bốn núm vú hình ống, dài vừa phải, vị trí các núm vú phân bố đều như hình vuông, không có vú kẹp. Vú mềm, có phản xạ đàn hồi, da vú mỏng mịn, tĩnh mạch vú nổi rõ, phân nhánh ngoằn ngoèo.

*b) Tuổi:* Chọn những bò khoảng 3- 4 năm tuổi, đã đẻ 1-2 lứa.

*c) Khối lượng* từ 220 kg trở lên (đối với bò vàng) ; 270 kg trở lên (đối với bò lai Zêbu).

**Điều 8.** Thức ăn :

Các đơn vị và cá nhân nuôi bò phải có kế hoạch và giải pháp sản xuất, chế biến, bảo quản và dự trữ các loại thức ăn, phải đảm bảo có đủ thức ăn cho đàn bò theo tiêu chuẩn khẩu phần ăn.

Thức ăn cho bò phải đủ thành phần gồm có: thức ăn thô (cỏ tươi, cỏ khô); thức ăn tinh hỗn hợp ; thức ăn củ quả ; muối ăn, khoáng... chất lượng các loại thức ăn phải đạt được : Thức ăn không bị thối mốc, sâu mọt, vón cục; thức ăn thô xanh phải tươi; thức ăn củ, quả không bị hà thối....

### MỤC 3 - CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG BÊ HẬU BỊ.

Bê hậu bị là những bê cái từ 7 tháng tuổi đến khi bắt đầu phối giống lứa đầu (18 tháng tuổi).

**Điều 9.** Nuôi dưỡng bê hậu bị phải tuân thủ theo yêu cầu sau:

1. Chuồng trại: (thực hiện theo phụ biểu 1)

2. Thức ăn và nuôi dưỡng bê theo từng giai đoạn

a) *Giai đoạn từ sơ sinh đến hết 6 tháng tuổi* (nuôi dưỡng chung bê đực và bê cái).

- Giai đoạn từ sơ sinh đến 30 ngày tuổi nuôi bê tại nhà cạnh mẹ, luôn giữ ấm cho bê, thức ăn hoàn toàn là sữa mẹ.

- Trên 1 tháng tuổi, tập cho bê ăn thức ăn tinh.

- Từ 3 - 6 tháng tuổi mỗi ngày cho ăn 5 - 10 kg cỏ tươi và 0,2 kg thức ăn tinh hỗn hợp.

- Cai sữa lúc bê đủ 6 tháng tuổi.

**Điều 10.** Tiêu chuẩn khối lượng phải đạt đối với từng loại bê khi cai sữa như sau:

+ Bò vàng (giống nội) phải đạt 70 - 80kg;

+ Bò lai Zêbu: 90 - 120 kg

+ Bò thịt chuyên dụng từ 150 kg trở lên.

- Sau khi cai sữa cho bê tiến hành nuôi tách bê đực, bê cái. Những bê đực, bê cái không đủ tiêu chuẩn làm giống chuyển nuôi lấy thịt. Bê cái đủ tiêu chuẩn làm giống chuyển nuôi hậu bị để tạo đàn cái sinh sản.

**Điều 11.** Tiêu chuẩn chọn bê cái hậu bị .

- Chọn theo ngoại hình:

+ Bò khoẻ mạnh không có bệnh tật.

+ Thân sau phát triển hơn thân trước.

+ Dáng thanh nhẹ, da mỏng, lông mượt.

+ Đầu thanh, ngực sâu, rộng, bụng to, lưng thẳng không võng.

+ Mông vai nở..

+ 4 chân thẳng, không chạm kheo, móng chân khít.

+ Bầu vú phát triển và cân xứng. Bốn núm vú phân bố đều như hình vuông, không có vú kẹt, da vú mỏng .

- Chỉ chọn những bê đã đủ 6 tháng tuổi

b- *Giai đoạn từ 7- 18 tháng tuổi.*

+ Yêu cầu nuôi dưỡng bê hậu bị không quá béo, quá gầy.

+ Tuổi và khối lượng gieo tinh lần đầu : (thực hiện theo mục 1).

+ Khẩu phần ăn: Mỗi ngày ăn 10 - 20 kg cỏ tươi, cho ăn thêm ngọn mía, cây ngô non, củ quả (theo phụ biểu 3) và có thể bổ sung thêm 0,2 - 0,4 kg rỉ mật đường nếu có điều kiện.

+ Cách cho ăn: Thức ăn tinh và củ quả mỗi ngày cho ăn 2 lần trước khi cho ăn cỏ tươi. Lượng cỏ tươi cho ăn thêm tại chuồng buổi sáng (30 - 40 %); buổi chiều (60-70 %). Thức ăn thô (cỏ tươi, cỏ khô và rơm rạ ...) phải cắt ngắn 3 - 5 cm.

### **Điều 12. Kiểm tra sức khoẻ định kỳ.**

- Mục đích: Biết được khối lượng bê từ đó xem xét chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng để kịp thời điều chỉnh nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Thời gian : tiến hành kiểm tra vào buổi sáng trước khi cho bê ăn.

- Phương pháp: Định kỳ cứ 3 tháng kiểm tra khối lượng bê 1 lần (có thể dùng cân hoặc đo kích thước các chiều thực hiện theo công thức sau).

\* Công thức tính khối lượng bê:

- Bê vàng Việt Nam:  $KL (kg) = 89,5 \times VN^2 \times DTC$

- Bê lai :  $KL (kg) = 90,1 \times VN^2 \times DTC$ , Trong đó:

KL - Khối lượng tính bằng kg

VN - Vòng ngực, đo bằng thước dây, tính bằng m

$VN^2$  - Bình phương của vòng ngực

DTC - Dài thân chéo, đo bằng thước dây, tính bằng m.

### **MỤC 4- PHỐI GIỐNG**

**Điều 13. Phối giống phải tuân thủ các yêu cầu sau :**

- Tiêu chuẩn bò cái :

+ Tuổi 18-24 tháng tuổi.

+ Khối lượng lúc bắt đầu phối giống (thực hiện như mục 1). của quy trình này.

+ Khối lượng để lứa đầu: (thực hiện như mục 1).

+ Xếp cấp tổng hợp phải đạt từ cấp I trở lên.

- Tỷ lệ ghép phối thích hợp (nếu nuôi bò theo đàn) : 1 đực/ 20-25 cái.

- Chu kỳ động dục thông thường là 21 ngày ( giao động trong khoảng từ 18-23 ngày).

- Thời gian động dục: 1-2 ngày.

- Biểu hiện động dục:

+ Các biểu hiện động dục: Kêu rống, ăn uống ít hoặc bỏ ăn, thích nhảy lên lưng con khác, âm hộ sưng to, hơi mở, màu hồng, có niêm dịch loãng chảy ra.

- Cách xác định thời điểm phối giống thích hợp: Dựa vào quan sát thực tế bò có các biểu hiện như sau:

+ Chịu đứng yên để con khác nhảy lên lưng (giai đoạn chịu đực).

+ Niêm dịch âm đạo keo dính như nhựa chuối, chảy thành sợi dài, màu trắng trong.

+ Thường trong khoảng thời gian từ 16 - 24 giờ (kể từ khi bò có biểu hiện động dục).

- Phối giống:

+ Có thể áp dụng quy luật "*sáng - chiều*" (tức là động dục buổi sáng thì phối giống vào buổi chiều, động dục vào buổi chiều thì phối giống vào sáng hôm sau).

- Có hai cách phối giống: Cho bò đực nhảy trực tiếp và thụ tinh nhân tạo.

+ Nếu thụ tinh nhân tạo thì nên phối kép cho bò 2 liều tinh cách nhau từ 10 - 12 giờ để đạt kết quả thụ thai cao hơn.

- Sau khi phối giống 21 ngày, bò không có biểu hiện động dục lại tức là bò đã có chửa; nếu bò có động dục trở lại thì phải báo ngay cho cán bộ kỹ thuật xem xét, quyết định.

- Thời gian động dục lại sau đẻ: 60-90 ngày.

## MỤC 5. CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG BÒ CHỬA

**Điều 14.** Chăm sóc, nuôi dưỡng bò chửa phải đạt các yêu cầu sau:

- Thời gian bò chửa 280 - 285 ngày (thường 9 tháng 10 ngày). Cho bò vận động nhẹ, thời gian khoảng 1 giờ/lần, chăm sóc tốt để tránh sảy thai, nhất là vào các tháng chửa thứ 3 ; 7 ; 8 ; 9.

- Việc nuôi dưỡng phải đảm bảo cho bò có đủ dinh dưỡng để nuôi thai, tiết sữa ngay sau khi đẻ, đạt sản lượng sữa cao.

- Đảm bảo khẩu phần ăn cho bò chửa theo từng giai đoạn (thực hiện theo phụ biểu 2)

- Thời gian cho bò ăn: buổi sáng lúc 11- 12 giờ ; buổi chiều lúc 5 - 6 giờ.

- Cách cho ăn: cho bò ăn thức ăn tinh trước, thức ăn thô xanh sau.
- Cho bò uống đủ nước sạch, tốt nhất là có hệ thống tự động để bò uống tự do.

#### MỤC 6 - CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG BÒ ĐẸ

**Điều 15.** Chăm sóc, nuôi dưỡng bò đẻ phải đạt các yêu cầu sau:

Trước khi đẻ 10 - 15 ngày chăm sóc bò tại chuồng và trực bò đẻ.

- Biểu hiện bò sắp đẻ:

Âm hộ sưng to, có niêm dịch chảy ra, bầu vú căng sữa, các núm vú vểnh ra, móng sứt, biểu hiện đứng nằm không yên, chân cào đất.

- Kỹ thuật đỡ đẻ cho bò

+ Chuẩn bị giẻ lau sạch, kim, chỉ, panh, kéo, cồn sát trùng iốt 5%. Các dụng cụ phải được vô trùng cẩn thận.

+ Khi bê được đẻ ra dùng giẻ mềm và sạch, lau khô toàn thân, (hoặc để cho bò mẹ liếm), móc hết nhớt rãi trong mồm bê, bóc móng, cắt rốn và cho bê bú sữa đầu càng sớm càng tốt.

- Kỹ thuật cắt rốn cho bê

Dùng 2 ngón tay (ngón trỏ và ngón giữa) kẹp chặt dây rốn vuốt ngược cho máu chảy vào trong bụng bê, kẹp panh vào vị trí cách bụng bê con từ 8 - 10 cm. Dùng kim chỉ đã sát trùng xuyên thủng qua cuống rốn, vòng chỉ thắt chặt cuống rốn, tiến hành cắt phía ngoài, cách nốt buộc 1cm, chấm cồn i ốt 5 % vào vết cắt để tránh nhiễm trùng.

- Cân trọng lượng bê ghi sổ theo dõi.

- Vệ sinh phần thân sau và bầu vú của bò mẹ bằng nước ấm 30- 40<sup>o</sup> C.

- Bình thường sau đẻ 30 phút đến 3 giờ thì nhau thai sẽ ra hết, nếu sau đẻ 10-12 giờ mà nhau thai không ra là bò bị sót nhau, cần báo cán bộ thú y can thiệp ngay.

- Thức ăn, nước uống cho bò đẻ:

+ Sau khi đẻ bò thường bị mất nước cần cho bò uống nước ấm có pha chút muối. Sau đẻ 15- 20 ngày cần chăm sóc bò tại chuồng, cho ăn đủ cỏ

tươi, xanh non, nấu thêm cháo gạo 0,5 - 1 kg/ con/ ngày và 30- 40 gam muối ăn/ con/ ngày.

+ Những ngày sau, trong suốt thời gian nuôi con, mỗi ngày cho bò mẹ ăn 30 kg cỏ tươi ; 2-3 kg rơm ủ ; 1-2 kg thức ăn tinh hỗn hợp để cho bò nhanh động dục trở lại và phối giống.

+ Cho bò uống nước sạch thoả mãn theo nhu cầu.

- Chế độ vận động, tắm chải, diệt ký sinh trùng.

Vận động:

Hàng ngày phải cho bò vận động, mỗi ngày 1- 2 lần, mỗi lần 1- 2 giờ.

Tắm chải, diệt ký sinh trùng:

Mùa hè tắm cho bò 1-2 lần/ ngày, mùa đông tắm vào những ngày trời nắng ấm, kết hợp diệt ký sinh trùng (ve, rận, ghẻ ...) cho bò.

### Phần III

#### CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG BÒ ĐỰC GIỐNG

##### MỤC 1 - PHƯƠNG PHÁP PHỐI GIỐNG

**Điều 16.** Các phương pháp phối giống cho bò phải đạt các yêu cầu sau:

1. Nhảy trực tiếp.

Giống bò vàng địa phương đủ tiêu chuẩn làm giống, bò đực thuộc nhóm bò Zebu dùng để cải tạo tầm vóc đàn bò địa phương.

a) Tiêu chuẩn bò đực giống:

- Ngoại hình:

+ Phải có đặc trưng phẩm giống, toàn thân phát triển hình chữ nhật dài.

+ Dài mình, khoẻ mạnh, bắp thịt nở nang.

+ Da mỏng, lông mịn, cổ to và ngắn, đầu và cổ kết hợp tốt, ngực sâu và rộng, mông và vai nở, bụng thon gọn, bốn chân vững chắc.

+ Hai hõn cân đối, không xệ, da mỏng đàn hồi,

+ Có tính hăng nhưng không hung dữ.

- Tuổi bắt đầu cho phối giống, chọn bò đực 2 - 3 năm tuổi.

- Xếp cấp tổng hợp phải đạt đặc cấp.
- Khối lượng lúc trưởng thành (2 năm tuổi):
  - +Bò vàng 300 - 350 kg;
  - +Bò Zêbu: 500 - 550 kg.
- Tuổi sử dụng 6-7 năm tuổi.

b) *Chế độ phối giống*: Phối giống trực tiếp, mỗi ngày có thể cho phối 1 - 2 lần.

Tuỳ theo sức khoẻ của bò, sau 1 ngày phối giống cho nghỉ 1-2 ngày mới cho phối giống tiếp.

- Tỷ lệ ghép phối thích hợp (nếu nuôi bò theo đàn) : 1 đực/ 20-25 cái.
- Tuyệt đối không phối giống cận huyết.

c) *Khẩu phần thức ăn* :

+ Thời kỳ không phối giống:

Bò có khối lượng 300-500kg thì khẩu phần ăn như sau: 15-20 kg cỏ tươi, 2 kg rơm; 0,5-0,8 kg thức ăn tinh . ( Nếu bò đực giống có trọng lượng lớn hơn, thì cứ tăng thêm 100 kg khối lượng bổ sung 4-4,5 kg cỏ tươi, 1-1,5 kg củ quả).

+ Thời kỳ phối giống:

Ngoài lượng thức ăn trên, sau khi bò đực phối giống cần cho ăn thêm 1-2 kg thức ăn tinh, cho ăn thêm thóc mầm, giả đồ sau mỗi lần phối giống. Cho bò uống nước sạch tự do.

( Có phụ biểu 6 về tiêu chuẩn khẩu phần cho bò đực giống kèm theo).

- Chế độ vận động, tắm chải, diệt ký sinh trùng.

Hàng ngày cần cho đực giống vận động 3-4 giờ / ngày và tắm chải định kỳ diệt ve, rận...

2. *Thụ tinh nhân tạo*.

- Nếu khai thác tinh bò đực giống để thụ tinh nhân tạo, mỗi tuần khai thác 3 lần, mỗi lần cách nhau 1 ngày ( Qui trình khai thác, pha loãng, bảo quản tinh riêng, biện pháp này thường do các Trạm, Trại giống có cán bộ kỹ thuật chuyên môn thực hiện).

- Sử dụng tinh bò đực Zêbu thuần hoặc các giống bò thịt cao sản. Cần chú ý lý lịch, tuyệt đối tránh phối giống cận huyết.

## Phần IV

### KỸ THUẬT NUÔI BÒ LẤY THỊT

#### Mục 1

#### NUÔI DƯỠNG BÊ TỪ SƠ SINH ĐẾN 21 THÁNG TUỔI

(bao gồm bê đực, bê cái không để làm giống).

**Điều 17.** Nuôi dưỡng bê phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Giai đoạn từ sơ sinh đến đủ 6 tháng tuổi:

Chăm sóc, nuôi dưỡng bê như mục 3 ở phần kỹ thuật nuôi bò cái sinh sản.

2. Giai đoạn từ 7 - 21 tháng tuổi:

a) *Chuồng trại:*

- Đảm bảo các nguyên tắc như nuôi bò cái sinh sản thực hiện như điều 3.

- Định mức chuồng trại, sân chơi : Thực hiện như phụ biểu 1.

b) *Chọn giống:*

+ Ngoại hình: Bò khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, da mỏng, lông mượt, ngực sâu, móng vai nở, bốn chân thẳng, móng chân khít.

+ Tuổi: Chọn những bê sau cai sữa.

+ Tiêu chuẩn khối lượng bê sau cai sữa (thực hiện như điều 9).

c) *Chăm sóc nuôi dưỡng:*

+ Khẩu phần ăn: Thực hiện như phụ biểu 3.

+ Cho bê uống đủ nước sạch thoả mãn theo nhu cầu.

+ Vận động : Hàng ngày bê phải được vận động ít nhất mỗi ngày 1- 2 lần, mỗi lần 3 - 4 giờ.

Mùa hè tắm cho bò 1-2 lần/ ngày, mùa đông tắm vào những ngày trời nắng ấm, kết hợp diệt ký sinh trùng (ve, rận, ghẻ ...) cho bò.

+ Vệ sinh thú y: Thực hiện quy trình phòng trừ dịch bệnh do Chi cục thú y ban hành.

Bê đủ 21 tháng tuổi chuyển sang giai đoạn vỗ béo trước khi xuất chuồng.

## MỤC 2. KỸ THUẬT VỖ BÉO BÊ, BÒ

**Điều 18.** Vỗ béo bê, bò cần tuân thủ theo những yêu cầu sau:

1. Vỗ béo bê:

- Đối tượng vỗ béo: Là những bê nuôi thịt đến 21 tháng tuổi.

- Tuổi bắt đầu vỗ béo: 21 tháng tuổi

- Thời gian vỗ béo: 3 tháng.

- Trình tự công việc

+ Tẩy ký sinh trùng trước khi vỗ béo : tẩy giun sán cho bò, bê và trị các loại ký sinh trùng (ve, rận, ghẻ... và các loại côn trùng hút máu khác).

+ Khẩu phần thức ăn:

Mỗi ngày cho bê ăn 3 - 4 kg thức ăn tinh hỗn hợp (có 14% protein thô/con/ ngày); 2 - 4 kg rơm ủ urê/ con/ngày và 15 - 20 kg cỏ tươi, thân lá ngô non hay ngọn mía tươi.

+ Nước uống: Cho bò uống nước sạch thoả mãn theo nhu cầu.

+ Tăng trọng đạt được: 0,8- 0,9 kg/con/ngày.

2. Vỗ béo bò gầy, bò già, bò loại thải

- Tuổi vỗ béo: bò đực, bò cái hết thời gian sử dụng.

- Thời gian vỗ béo: 30 - 45 ngày trước khi giết mổ.

- Trình tự công việc.

+ Tẩy ký sinh trùng trước khi vỗ béo : tẩy giun sán cho bò, bê và trị các loại ký sinh trùng (ve, rận, ghẻ... và các loại côn trùng hút máu khác).

+ Khẩu phần thức ăn:

Mỗi ngày cho bò ăn 3 - 4 kg thức ăn tinh hỗn hợp ; 2 - 4 kg rơm ủ urê/ con/ngày và 20 - 30 kg cỏ tươi, thân lá ngô non hay ngọn mía tươi.

+ Nước uống: cho bò uống nước sạch thoả mãn theo nhu cầu.

- Chế độ cho ăn:

+ Thức ăn thô xanh cho bò ăn tự do theo nhu cầu, riêng thức ăn tinh không quá 4kg/con/ngày.

+ Tăng trọng đạt được: từ 0,7- 0,8 kg/con/ngày.

- Trong thời gian vỗ béo hạn chế vận động của bê, bò.

*Chú ý : - Tuyệt đối không cho bê, bò ăn trực tiếp urê.*

(Tiêu chuẩn tăng trọng từng thời kỳ áp dụng đối với từng loại bò ở phụ biểu 4 và 5).

## Phần V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện đúng các qui trình kỹ thuật đã được ban hành trong qui định này.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành có liên quan, các đơn vị chăn nuôi bò trên địa bàn tỉnh phải nghiêm túc thực hiện các qui định trên.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung báo cáo về UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYẾN QUANG  
CHỦ TỊCH



Hà Phúc Mịch